

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 144/2024/DS-PT

Ngày: 04-7-2024

V/v tranh chấp chia di sản thừa kế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Cảnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Công

Ông Lại Văn Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Trần Mạnh Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 149/2024/TLPT-DS ngày 20 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế” do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2024/DS-ST ngày 30-01-2024 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 220/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 46/2024/QĐ-PT ngày 17 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 54/2024/QĐ-PT ngày 24 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1950; địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của Bà Nguyễn Thị Th: NLQ1, sinh năm 1974; địa chỉ: Xóm G, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (Văn bản ủy quyền ngày 10-10-2023);

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1960; địa chỉ: Xóm 9, T, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. NLQ1, sinh năm 1974; địa chỉ: Xóm G, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

2. NLQ2, sinh năm 1952; địa chỉ: Xóm 9, T, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ2: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1955; địa chỉ: Xóm 9, T, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (là vợ NLQ2) theo văn bản ủy quyền ngày 30-01-2024.

3. NLQ3, sinh năm 1954; địa chỉ: Xóm 34, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

4. NLQ4, sinh năm 1962; địa chỉ: Xóm 3B, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

5. NLQ5, sinh năm 1965; địa chỉ: Xóm 9, T, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

6. NLQ6, sinh năm 1970 và NLQ7, sinh năm 1973; cùng địa chỉ: Xóm 3B, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

7. NLQ8, sinh năm 1983 và NLQ9, sinh năm 1979;

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ8: NLQ9, sinh năm 1979 (vợ NLQ8);

Cùng địa chỉ: Xóm 3B, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

8. NLQ10, sinh năm 1991 và NLQ11, sinh năm 1994; cùng địa chỉ: Xóm 3B, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

Người kháng cáo: NLQ2 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa: Có mặt bà Th, NLQ1, bà T. Các đương sự khác đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Th, người đại diện theo ủy quyền của bà Th là NLQ1 thống nhất trình bày:* Cụ Nguyễn Văn Tinh (sinh năm 1923, chết năm 2017) và cụ Hoàng Thị Tinh (tức Hoàng Thị Thơm) (sinh năm 1928, chết năm 2006) là vợ chồng. Hai cụ sinh được 9 người con gồm: Bà Nguyễn Thị Th, NLQ2, NLQ3, Ông Nguyễn Văn H, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ1, NLQ9. Ngoài ra các cụ không có con nuôi, con riêng nào khác. Bố mẹ của hai cụ đều chết trước hai cụ. Khi còn sống hai cụ có tạo lập được khối tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 38 tờ bản đồ số 8 tại xóm 3B, xã Hải Minh, huyện Hải Hậu với diện tích 1.205m² (trong đó: đất vườn 595m², đất ao 250m², đất thổ 360m²). Năm 1997, thửa đất đã được UBND huyện Hải Hậu đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) mang tên hộ cụ Nguyễn Văn Tinh, (hiện NLQ6 đang quản lý GCNQSDĐ). Trước khi chết, hai cụ không để lại di chúc. Sau khi cụ ông chết, anh chị em trong gia đình nhiều lần yêu cầu chia phần diện tích đất của hai cụ để lại nhưng những người con trai của hai cụ không nhất trí và cho rằng bà Th, NLQ1, NLQ3 là phận gái, đi lấy chồng thì không được hưởng thừa kế đất đai của bố mẹ. Quá trình sử dụng thửa đất: Các con cháu của hai cụ Tinh đã được hai cụ cho sử dụng đất như sau: Năm 2001 NLQ6 đã xây dựng một căn nhà 5 gian lợp ngói và công trình phụ cùng sân vườn khoảng 110m² trên đất của 2 cụ Tinh ở phía Nam thửa đất. Năm 2019

vợ chồng NLQ9, NLQ8 xây một căn nhà 2 tầng bê tông cốt thép kiên cố và công trình phụ trên đất. Năm 2021 vợ chồng NLQ10, Vũ Thị Tuyết (con NLQ5) xây một căn nhà mái bằng 1 tầng liền cạnh nhà đất của vợ chồng NLQ9. Phần diện tích đất còn lại NLQ4, NLQ2, ông H chia nhau trồng cây vạt tuế. Tất cả những người sử dụng đất này đều chưa được hai cụ sang tên chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Bà Th đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu xác định thửa đất số 38, tờ bản đồ số 8 theo GCNQSDĐ ghi 1.205m² tại xóm 3B, xã Hải Minh là di sản thừa kế của vợ chồng cụ Nguyễn Văn Tinh, Hoàng Thị Thơm và đề nghị Tòa án chia thừa kế di sản của hai cụ Tinh là 1166m² đất theo quy định pháp luật (đất bị giảm trừ 39m² do mở rộng đường bà nhất trí không yêu cầu). Đối với phần diện tích đất vợ chồng NLQ9, vợ chồng NLQ10, vợ chồng NLQ6 đã xây nhà trên đất đề nghị Tòa án chia thừa kế cho những người này được sử dụng theo kỹ phần, nếu các công trình họ xây dựng vượt quá kỹ phần họ được chia thì phải có trách nhiệm thanh toán lại giá trị cho các đồng thừa kế khác. Bà Th nhận đất, không nhận thanh toán giá trị.

** Tại bản tự khai đề ngày 19-10-2023, Ông Nguyễn Văn H bị đơn trình bày:* Ông xác nhận về mối quan hệ gia đình, bố mẹ, anh chị em và thời điểm bố mẹ chết cũng như khối tài sản chung của vợ chồng cụ Nguyễn Văn Tinh như trình bày của bà Th là đúng. Khi còn sống cụ Tinh ông để NLQ6, NLQ9 và NLQ10 một phần thửa đất để làm nhà là đúng. Sau khi cụ Tinh ông chết năm 2017, diện tích đất còn lại của hai cụ chưa chia cho ai. Đến nay các anh chị em trong gia đình không có tranh chấp chia thừa kế nên ông không nhất trí với yêu cầu chia thừa kế của bà Th.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan NLQ4 tại bản tự khai và tại phiên tòa trình bày:* NLQ4 có lời khai nhất trí với lời trình bày của ông H về về mối quan hệ gia đình, di sản thừa kế bố mẹ để lại và một số anh chị em đang sử dụng đất của bố mẹ nhưng chưa được sang tên chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ai như bà Th và ông H trình bày là đúng. Theo NLQ4 thì trước đây anh chị em trong gia đình cũng có họp bàn tự chia thừa kế tài sản của bố mẹ để lại, nhưng chưa đến cơ quan có thẩm quyền công chứng chứng thực. Hiện toàn bộ thửa đất vẫn đang đứng tên cụ Tinh và công nhận trên đất hiện nay vợ chồng NLQ6 NLQ7, vợ chồng NLQ9, NLQ8 và vợ chồng NLQ10 NLQ11 (con trai NLQ5) đã xây nhà trên một phần thửa đất. Tại phiên tòa NLQ4 đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật, không có đề nghị yêu cầu gì khác bổ sung.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn gồm: NLQ3, NLQ1, NLQ6, NLQ9, NLQ8 trong quá trình tố tụng trình bày:* Về quan hệ huyết thống gia đình như bà Th trình bày là đúng. Hai cụ Tinh có thửa đất số 38 tờ bản đồ số 8 đã được cấp GCNQSDĐ đứng tên hộ ông Nguyễn Văn Tinh, hiện GCNQSDĐ NLQ6 đang quản lý. Năm 2001, vợ chồng NLQ6, NLQ7 được cụ Tinh cho xây nhà trên một phần thửa đất ở phía tây nhà của hai cụ. Năm 2016, cụ

Tinh tiếp tục nhất trí cho vợ chồng NLQ9, NLQ8 xây thêm nhà để ở. Khi cho đất các con cụ Tinh không có văn bản giấy tờ gì, nhưng không có ai phản đối và cũng chưa làm thủ tục tặng cho, tách thửa theo quy định của pháp luật. Năm 2018, vợ chồng NLQ10, NLQ11 là con của NLQ5 xây nhà ở kiên cố trên một phần đất của cụ Tinh. Nay bà Th yêu cầu chia thừa kế thừa đất số 38 tờ bản đồ số 8 của vợ chồng cụ Tinh theo quy định của pháp luật, NLQ1, NLQ6, NLQ9, NLQ8 cũng nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Khi chia thừa kế, NLQ3 xin nhận kỹ phần bằng đất và tự nguyện tặng cho lại toàn bộ kỹ phần bà được chia cho NLQ6.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Công Tuyên, NLQ11 trong quá trình tố tụng trình bày:* NLQ10 là con đẻ của NLQ5. Khoảng năm 2018 được sự đồng ý của NLQ5 và được các con của cụ Tinh, vợ chồng NLQ10 làm 01 nhà ống 02 tầng trên đất của cụ Tinh cạnh nhà của vợ chồng NLQ9, ông Hiền. Từ khi NLQ10 xây nhà đến nay không ai có ý kiến gì. Nay bà Th yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ Tinh thì anh đề nghị Tòa án chia kỹ phần bố anh được hưởng tại vị trí nơi vợ chồng anh đã xây nhà và anh sẽ có trách nhiệm giải quyết với bố đẻ anh là NLQ5. Nếu NLQ5 nhất trí anh sẽ xin được sử dụng đất phần đó.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: NLQ2, NLQ5 và NLQ7:* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, những người này đã được Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu tổng đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đều không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án ghi ý kiến của mình và luôn có thái độ chống đối, không hợp tác làm việc với Tòa án. Tại buổi định giá tài sản có mặt chứng kiến nhưng không ký văn bản, không có ý kiến đề nghị gì.

** Người làm chứng là Bà Phạm Thị T trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa trình bày:* Bà T là vợ của NLQ2. Bố mẹ chồng bà là cụ Nguyễn Văn Tinh và Hoàng Thị Thơm đều đã chết và không để lại di chúc. Hai cụ có thừa đất như bà Th trình bày là đúng. Hiện nay trên đất của hai cụ có vợ chồng NLQ6, NLQ7, vợ chồng NLQ9 NLQ8 và vợ chồng NLQ10 NLQ11 đã xây nhà trên một phần thửa đất. NLQ2 đã nhận được giấy báo của Tòa án về việc giải quyết vụ án nhưng sức khỏe không tốt nên không đến Tòa án làm việc và cũng không có ý kiến gửi Tòa án. Nay bà T đề nghị Tòa án chia thừa kế tài sản của hai cụ Tinh để lại theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa NLQ2 có ủy quyền cho bà T là vợ tham gia phiên tòa thay NLQ2 toàn quyền giải quyết vụ án thay NLQ2 nhưng bà T cũng không có ý kiến đề nghị bổ sung so với yêu cầu của bà Th và NLQ4, ông H.

Từ nội dung vụ án nêu trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2024/DS-ST ngày 30-01-2024 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định quyết định.

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 500, Điều 612, Điều 613, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 của Bộ luật Dân sự; Điều 167 Luật đất đai năm 2013;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Th về việc chia thừa kế tài sản.

2. Chia thừa kế :

2.1. Chia cho NLQ2 được quyền sử dụng phần đất (S1) có diện tích 129,5 m², trong đó: đất ONT 40m², đất CLN 66m², đất NTS 23,5m² thuộc thửa số 38, tờ bản đồ số 8 tại xóm 3B, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định được giới hạn bởi các điểm (1,2,3,16,1).

2.2. Chia cho NLQ6 được quyền sử dụng phần đất (S2) 274,5m² trong đó: đất ONT 84m², đất CLN 142 m², đất NTS 49,2 m² vào vị trí có nhà và công trình của vợ chồng NLQ6, NLQ7 xây dựng, và được sử dụng tài sản trên đất được quyền sử dụng đã hết giá trị khấu hao của cụ Tinh để lại; phần đất được giới hạn bởi các điểm (3,4,15,16,3). Nhưng có trách nhiệm thanh toán cho NLQ9 15m² trị giá 60.000.000đ.

2.3. Chia cho Ông Nguyễn Văn H được quyền sử dụng phần đất (S3) có diện tích 152,5 m², trong đó: đất ONT 40m², đất CLN 77m², đất NTS 27,3m² thuộc thửa số 38, tờ bản đồ số 8 tại xóm 3B, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định và các tài sản của cụ Tinh hết giá trị khấu hao trên phần đất được chia; phần đất được giới hạn bởi các điểm (4,5,20,19,18,17,14,15,4).

2.4. Chia cho NLQ9 được quyền sử dụng phần đất (S4) có diện tích 109,2m², trong đó: đất ONT 34m², đất CLN 56m², đất NTS 19,2m² thuộc thửa số 38, tờ bản đồ số 8 tại xóm 3B, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định được giới hạn bởi các điểm (5, 6, 7, 20, 5). Vợ chồng NLQ9, NLQ8 được quyền sở hữu nhà ở, các công trình xây dựng và tài sản khác trên diện tích đất NLQ9 được quyền sử dụng.

2.5. Chia cho vợ chồng NLQ10, NLQ11 được quyền sử dụng phần đất (S5) có diện tích 111,8m², trong đó: đất ONT 34m², đất CLN 56m², đất NTS 21,8m² thuộc thửa số 38, tờ bản đồ số 8 tại xóm 3B, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định được giới hạn bởi các điểm (7, 8, 19, 20, 7). Vợ chồng NLQ10, NLQ11 được quyền sở hữu nhà ở, các công trình xây dựng và tài sản khác trên diện tích đất vợ chồng NLQ10, NLQ11 được quyền sử dụng.

2.6. Chia cho Bà Nguyễn Thị Th được quyền sử dụng phần đất (S6) có diện tích 129,5m², trong đó: đất ONT 40m², đất CLN 66m², đất NTS 23,5m² thuộc thửa số 38, tờ bản đồ số 8 tại xóm 3B, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định được giới hạn bởi các điểm (8, 9, 18, 19, 8).

2.7. Chia cho NLQ1 được quyền sử dụng phần đất (S7) có diện tích 129,5m², trong đó: đất ONT 40m², đất CLN 66m², đất NTS 23,5m² thuộc thửa số 38, tờ bản đồ số 8 tại xóm 3B, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định được giới hạn bởi các điểm (9, 10, 17, 18, 9).

2.8. Chia cho NLQ4 được quyền sử dụng phần đất (S8) có diện tích 129,5m², trong đó: đất ONT 40m², đất CLN 66m², đất NTS 23,5m² thuộc thửa số

38, tờ bản đồ số 8 tại xóm 3B, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định được giới hạn bởi các điểm (10, 11, 12, 13, 14, 17, 10).

3. Về thanh toán giá trị kỹ phần chia thừa kế:

3.1. Ông Nguyễn Văn H phải có trách nhiệm thanh toán trả cho NLQ9 21.200.000đ tương đương (5,3m²) đất được chia vượt quá kỹ phần được chia thừa kế và thanh toán trả cho NLQ5 70.800.000đ tương đương 17.7m² đất được chia vượt quá kỹ phần được chia thừa kế.

3.2. Ông Nguyễn Văn Quân phải có trách nhiệm thanh toán trả cho NLQ9 60.000.000đ tương đương 15m² đất vượt quá kỹ phần được chia thừa kế.

3.3. NLQ10, NLQ11 có trách nhiệm thanh toán cho NLQ5 số tiền 447.200.000 đồng (bốn trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

4. Về GCNQSDĐ: Thừa đất số 38, tờ bản đồ số 8 tại xóm 3B, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định hiện đang đứng tên hộ ông Nguyễn Văn Tinh theo GCNQSDĐ do UBND huyện Hải Hậu cấp năm 1997 (số vào sổ cấp giấy 2433). Hiện nay bản chính GCNQSDĐ NLQ6 đang quản lý, NLQ6 có trách nhiệm bàn giao lại GCNQSDĐ cho các đương sự khác hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho các hộ khác khi họ có yêu cầu.

5. Ông Nguyễn Văn H, NLQ4 và NLQ2 có trách nhiệm di chuyển cây trồng trên phần diện tích đất chia cho người khác để trả đất sạch cho chủ sử dụng đất hợp pháp khi họ có yêu cầu thi hành án, nếu không thu dọn theo yêu cầu của người được chia đất thì người được chia đất có trách nhiệm tự thu dọn để sử dụng đất chia theo quy định pháp luật và không phải thanh toán giá trị các cây này cho ông H, NLQ2, NLQ4.

(Vị trí, chiều cạnh quyền sử dụng đất và tài sản trên đất các đương sự được quyền sử dụng có sơ đồ vẽ kèm theo).

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp GCNQSDĐ theo quyết định của bản án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo.

* Ngày 30-01-2024 NLQ2, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý với bản án mà cấp sơ thẩm đã tuyên và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại bản án sơ thẩm theo hướng chia cho ông về phía trước.

* Tại phiên toà phúc thẩm: Các đương sự không tự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bà Nguyễn Thị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị HĐXX phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 21/2024/DS-ST ngày 30-01-2024 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đã tuyên.

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ2 là Bà Phạm Thị T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của NLQ2 và trình bày: Cấp sơ thẩm phân chia diện tích đất cho các đồng thừa kế cũng là phù hợp. Bà đề nghị HĐXX cho gia đình bà được đổi vị trí đất được cấp sơ thẩm đã giao sang vị trí đất mà HĐXX sơ thẩm giao cho NLQ1. Vì tại phần vị trí diện tích đất này gia đình bà đã san lấp và hiện tại đang trồng cây vạt tuế. Nếu vẫn tiếp tục giao cho NLQ1 sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình bà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định trình bày quan điểm về giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Tòa án cấp phúc thẩm và xem xét đơn kháng cáo của NLQ2; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định thấy rằng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo và quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa. Xác định nguồn gốc và quá trình hình thành đối với tài sản của cụ Nguyễn Văn Tinh và cụ Hoàng Thị Thơm là toàn bộ diện tích đất để chia thừa kế như được giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm là có căn cứ pháp lý. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của NLQ2 là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Do vậy đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 21/2024/DS-ST ngày 30-01-2024 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Về án phí đề nghị giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo của NLQ2 làm trong thời hạn luật định và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273; Điều 276 BLTTDS nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Xác định quan hệ tranh chấp; diện và hàng thừa kế: Cụ Nguyễn Văn Tinh và cụ Hoàng Thị Thơm là vợ chồng, các cụ sinh được 09 người con là Bà Nguyễn Thị Th, NLQ2, NLQ3, Ông Nguyễn Văn H, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ1, NLQ9. Ngoài ra, các cụ không có con nuôi, con riêng nào khác, bố mẹ của

hai cụ đều chết trước hai cụ. Trước khi chết hai cụ để lại tài sản là thửa đất thửa đất số 38 tờ bản đồ số 8 tại xóm 3B, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định đã được cấp GCNQSDĐ. Khi chết hai cụ không để lại di chúc, các con của hai cụ không tự thỏa thuận được với nhau. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự thì những người này đều thuộc hàng thừa kế thứ nhất của vợ chồng cụ Tinh. Mặc dù NLQ6, NLQ9 đều trình bày được cụ Tinh cho đất để làm nhà nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh và chưa được tách thửa mang tên mình theo quy định của pháp luật, nên di sản của vợ chồng cụ Tinh để lại sẽ được chia đều cho 9 người thừa kế theo pháp luật. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp chia di sản thừa kế và xác định diện, hàng thừa kế là đúng quy định pháp luật.

[2.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn; bị đơn trong vụ án cùng có địa chỉ thường trú tại huyện Hải Hậu, tài sản tranh chấp là thửa đất số 38 tờ bản đồ số 8 tại xóm 3B, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Căn cứ Điều 39 BLTTDS thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu là đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Về việc tham gia tố tụng của các đương sự: Việc ủy quyền tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án đã đảm bảo đúng trình tự theo quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Bị đơn Ông Nguyễn Văn H, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ9, NLQ8, anh Nguyễn Công Tuyên, NLQ11 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[3] Về di sản thừa kế:

[3.1]. Tính hợp pháp về di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Tinh và cụ Hoàng Thị Thơm. Căn cứ lời khai của các đương sự, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp thì thấy. Khi còn sống hai cụ Tinh có tạo lập được khối tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 38 tờ bản đồ số 8 diện tích 1.205m² (trong đó: đất vườn 595m², đất ao 250m², đất thổ 360m²) tại xóm 3B, xã Hải Minh, huyện Hải Hậu. Năm 1997, thửa đất đã được UBND huyện Hải Hậu đã cấp GCNQSDĐ mang tên hộ ông Nguyễn Văn Tinh. Qua khảo sát thì diện tích sử dụng thực tế của hai cụ còn là 1166m² đất (diện tích đất bị giảm trừ là do mở rộng làm đường 39m²). Quá trình sử dụng thửa đất thì các con, cháu của hai cụ được hai cụ cho sử dụng đất như sau: Năm 2001 NLQ6 đã xây dựng một căn nhà 5 gian lợp ngói và công trình phụ cùng sân vườn khoảng 110m² trên đất của 2 cụ ở phía Nam thửa đất. Năm 2019 vợ chồng NLQ9, NLQ8 xây một căn nhà 2 tầng bê tông cốt thép kiên cố và công trình phụ trên đất. Năm 2021 vợ chồng NLQ10, Vũ Thị Tuyết (con NLQ5) xây một căn nhà mái bằng một tầng liền cạnh nhà đất của vợ chồng NLQ9. Phần diện tích đất còn lại NLQ4, NLQ2, ông H cùng nhau trồng cây vụn tuế. Tất cả những người sử dụng đất này đều chưa được hai cụ sang tên chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật. Trước khi chết, hai cụ

không để lại di chúc. Vì vậy, Tòa án sơ thẩm xác định diện tích thửa đất số 38 tờ bản đồ số 8 đã cấp GCNQSDĐ mang tên hộ ông Nguyễn Văn Tinh là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Tinh và cụ Hoàng Thị Thơm để lại là có căn cứ. Do các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau, nên di sản của hai cụ được cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định, định giá và giải quyết thừa kế theo pháp luật là có căn cứ.

[3.2]. Xét thời hiệu của người để lại di sản thừa kế: Căn cứ lời khai của các đương sự, các trích lục khai tử do địa phương cung cấp thì cụ Nguyễn Văn Tinh và cụ Hoàng Thị Thơm khi còn sống có tạo lập được khối tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 38 tờ bản đồ số 8 đã cấp GCNQSDĐ mang tên hộ ông Nguyễn Văn Tinh. Sau khi được cấp GCNQSDĐ giữa các thành viên trong gia đình không có xảy ra tranh chấp hoặc khiếu nại, kiến nghị gì về trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ. Cụ Thơm chết năm 2006; cụ Tinh chết năm 2017 và hai cụ đều không để lại di chúc. Căn cứ Điều 611; Điều 623 Bộ luật Dân sự thì ngày 10-10-2023 Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp chia di sản thừa kế là nhà đất nêu trên do Bà Nguyễn Thị Th khởi kiện là trong thời hạn luật định.

[4] Về thẩm định và định giá tài sản: Trong quá trình giải quyết vụ án, do các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã tiến hành thẩm định, định giá tài sản. Sau khi thông báo kết quả thẩm định, định giá các đương sự không ai có ý kiến gì nên kết quả đo đạc, xem xét thẩm định, định giá tài sản cụ thể như sau:

- Thửa đất số 38, tờ bản đồ số 8 diện tích đo đạc thực tế có 1166m² (diện tích theo GCNQSDĐ là 1205m²), giảm trừ 39m² do mở đường ở phía Nam thổ đất. Do thổ đất của hai cụ Tinh hiện nay vị trí các loại đất không xác định được vị trí và về hiện trạng đều là đất nổi nên hội đồng định giá thống nhất lấy giá đất chung của cả thổ là 4.000.000 đồng/m².

- Hiện trạng sử dụng toàn bộ thửa đất:

+ Các công trình xây dựng của vợ chồng cụ Tinh để lại gồm: 01 nhà cấp bốn đã bị sập không có mái, 01 nhà cũ để không ở phía đông thổ đất, phía trước nhà có sân vữa láng xi măng đã xuống cấp. Hiện các công trình của vợ chồng cụ Tinh đều đã hư hỏng và xuống cấp trầm trọng, không có ai sử dụng. Toàn bộ các công trình xây dựng của hai cụ Tinh đều hết giá trị khấu hao.

+ Các công trình do vợ chồng NLQ6, NLQ7 xây dựng và sử dụng gồm: 01 nhà mái ngói ở phía tây thổ đất, diện tích 75,6m² (kích thước 10,8m x 7,0m), kèo gỗ, xà gồ tre luồng, nền lát gạch ceramic làm năm 2000, phía trước nhà có 01 hiên mái lợp tôn; 01 lán lợp tôn phía sau nhà mái ngói. Toàn bộ các công trình này đều hết giá trị khấu hao;

+ Công trình do vợ chồng NLQ9, NLQ8 xây dựng, sử dụng gồm: 01 nhà ống 02 tầng ở phía đông nam thổ đất, diện tích 85m² (kích thước 17m x 5m), kết cấu khung bê tông cốt thép, công trình phụ kết cấu liền kề với khung nhà, nền lát

gạch ceramic làm năm 2014, giá trị nhà còn lại là 593.453.000 đồng; 01 sân, cổng phía trước nhà diện tích 15m² (kích thước 3m x 5m) bên trên lợp tôn, cổng làm bằng thép hộp làm năm 2014, giá trị cổng còn lại là 524.000 đồng, giá trị còn lại tôn lợp sân trước nhà là 940.000 đồng. Tổng giá trị tài sản vợ chồng NLQ9, NLQ8 là 594.917.000 đồng.

+ Các công trình do vợ chồng NLQ10, NLQ11 xây dựng và sử dụng gồm: 01 nhà ống một tầng diện tích nhà 88,4m² có 01 tum phía trên diện tích 32,24m² (liền kề nhà vợ chồng NLQ9 NLQ8), kết cấu khung bê tông cốt thép, công trình phụ khép kín, có cầu thang bê tông trong nhà, nền lát gạch ceramic làm năm 2016, giá trị nhà còn lại là 292.809.000 đồng; 01 sân, cổng trụ gạch phía trước nhà diện tích 5,3m² giá trị cổng còn lại là 1.019.000 đồng. Tổng giá trị tài sản vợ chồng NLQ10, NLQ11 là 293.828.000 đồng.

+ Phía trước nhà NLQ6, cụ Tinh (giáp nhà vợ chồng NLQ10, NLQ11) là vườn hiện ông H, NLQ2, NLQ4 đang trồng cây vạn tuế còn nhỏ (các đương sự không yêu cầu định giá) và khi được Tòa án thông báo tổng đạt hợp lệ kết quả định giá không có yêu cầu gì bổ sung về kết quả buổi định giá).

[5] Xét kháng cáo của NLQ2 về việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Th, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[5.1] Quá trình giải quyết vụ án, căn cứ hiện trạng sử dụng đất, nguyện vọng của các đương sự và cũng để đảm bảo cho việc thi hành án. Tòa án cấp sơ thẩm giao cho phân chia di sản của cụ Nguyễn Văn Tinh và cụ Hoàng Thị Thơm cho các hàng thừa kế cụ thể như sau: Theo GCNQSDĐ và căn cứ kết quả đo đạc hiện trạng thì diện tích hiện còn 1166m² đất (trong đó: đất ONT 360m², đất CLN 595m², đất NTS 211m²) thiếu 39m² là do mở rộng đường ở phía Nam lấn vào. Các đương sự đều không có ý kiến gì về diện tích đất mở rộng làm đường dọc xóm. Do đó, xác định diện tích đất để chia thừa kế là di sản của cụ Nguyễn Văn Tinh và cụ Hoàng Thị Thơm còn lại là 1166m², tương đương giá trị tiền là 4.664.000.000 đồng được chia cho các đồng thừa kế là 9 phần.

[5.1.1] Về chia đất: Thổ đất của hai cụ Tinh để lại hiện nay, qua đo đạc và xem xét tại chỗ thì thấy thổ đất này có hai mặt đường dọc, một số người con cháu của cụ Tinh đã xây một số công trình nhà ở và sửa chữa một số công trình để sử dụng tạm; căn cứ vào yêu cầu khởi kiện và điều kiện thực tế hiện nay đối với tài sản thừa kế thì thấy yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án chia tài sản thừa kế theo kỹ phần và được nhận bằng hiện vật theo kỹ phần, không nhận thanh toán giá trị, các đương sự khác không có ý kiến nên Tòa án cấp sơ thẩm chia di sản thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở. Do diện tích đất chia ra cho 9 kỹ phần thừa kế thì lẻ 1m², để tiện cho việc làm sổ đỏ và thanh toán cho nhau, giá trị chênh lệch không lớn, nên hội đồng xét xử sơ thẩm chia di sản cho các đồng thừa kế là chia cho NLQ4, bà Th, NLQ2, NLQ1, NLQ5, NLQ9, ông H, NLQ3 mỗi người thừa kế được hưởng là 129,5m² trị giá 518.000.000đ (năm trăm mười

tám triệu đồng). Số đất còn lại là 130m² chia cho NLQ6 được quyền sử dụng. NLQ3 tự nguyện tặng cho toàn bộ kỹ phần được chia thừa kế cho NLQ6 nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của NLQ3 là có căn cứ pháp lý.

[5.1.2] Về chia vị trí sử dụng đất: Căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất thực tế hiện nay, vào kỹ phần mỗi suất thừa kế được chia, HĐXX cấp sơ thẩm đã chia vị trí đất cho NLQ6 được hưởng vào vị trí có nhà và các công trình xây dựng mà vợ chồng NLQ6, NLQ7 đã xây dựng; chia vị trí đất cho NLQ9 vào vị trí đất NLQ9 và NLQ8 đã xây dựng nhà và công trình phụ đang quản lý sử dụng. Đối với kỹ phần NLQ5 được chia, do NLQ5 nhất trí cho NLQ10 là con trai NLQ5 xây nhà, vợ chồng NLQ10, NLQ11 cũng có nguyện vọng được sử dụng phần diện tích đất NLQ5 được chia thừa kế nên Hội đồng xét xử sẽ chia phần đất NLQ5 được hưởng thừa kế cho vợ chồng NLQ10, NLQ11 vào vị trí có nhà các công trình xây dựng vợ chồng NLQ10, NLQ11 xây dựng và đang quản lý sử dụng. Vợ chồng NLQ10 NLQ11 có trách nhiệm thanh toán giá trị đất cho NLQ5 theo quy định của pháp luật. Về phần đất trồng cây vụn tuế, đất vườn do NLQ4, ông H và NLQ2 trồng cấy, có một số cây vụn tuế nhỏ quá trình định giá các ông không yêu cầu định giá và không có yêu cầu độc lập khác, quá trình giải quyết các đương sự không hợp tác làm việc với Tòa án, khi được mời tham gia định giá tài sản thừa kế cũng không hợp tác, có chứng kiến nhưng không đưa ra ý kiến và không ký biên bản. Hội đồng xét xử xét sơ thẩm xác định đây là loại cây cảnh có thể di chuyển dời khỏi vị trí đất, vì vậy nếu được chia tại phần đất đó thì được quyền sử dụng, nếu không được chia thì có trách nhiệm thu dọn trả lại mặt bằng cho các đồng thừa kế khác được chia khi họ có yêu cầu thi hành án, nếu không thu dọn theo yêu cầu của người được chia đất thì người được chia đất có trách nhiệm tự thu dọn không phải thanh toán giá trị để sử dụng đất chia theo quy định pháp luật là có căn cứ. Cụ thể:

- Chia cho NLQ2 được quyền sử dụng diện tích 129,5m² đất, trong đó: đất ONT 40m², đất CLN 66 m², đất NTS 23,5m² (S1).

- Chia cho NLQ6 được quyền sử dụng diện tích 274,5m² đất, trong đó: đất ONT 84m², đất CLN 142 m², đất NTS 49,5 m² vào vị trí có nhà và công trình xây dựng của vợ chồng NLQ6.(S2) và có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch cho các thừa kế khác là NLQ9 15m² .

- Chia cho Ông Nguyễn Văn H được quyền sử dụng diện tích 152,5m² đất, trong đó: đất ONT 48m², đất CLN 77m², đất NTS 27,5m² (S3) và có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch cho các thừa kế khác là 23m². Cụ thể: là NLQ5 17,7m² và NLQ9 là 5,3m².

- Chia cho NLQ9 được quyền sử dụng diện tích 109,2 m² đất, trong đó: đất ONT 34m², đất CLN 56 m², đất NTS 19,2m² (S4) vào vị trí có nhà và công trình xây dựng của NLQ9, NLQ8 và nhận giá trị chênh lệch tài sản được chia theo kỹ phần được hưởng từ ông H và NLQ6.

- Chia cho NLQ10 và NLQ11 được quyền sử dụng diện tích là 111,8 m² đất, trong đó: đất ONT 34m², đất CLN 56 m², đất NTS 21,8 m² tại vị trí có nhà và các công trình do NLQ10, NLQ11 xây dựng. NLQ10 và NLQ11 có nghĩa vụ thanh toán cho NLQ5 số tiền 447.200.000đ (Bốn trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng) giá trị quyền sử dụng đất.

- Chia cho Bà Nguyễn Thị Th được quyền sử dụng diện tích 129,5m² đất, trong đó: đất ONT 40m², đất CLN 66 m², đất NTS 23,5 m² (S6).

- Chia cho NLQ1 được quyền sử dụng diện tích 129,5m² đất, trong đó: đất ONT 40m², đất CLN 66 m², đất NTS 23,5 m² (S7).

- Chia cho ông Nguyễn Văn Hậu được quyền sử dụng diện tích 129,5m² đất, trong đó: đất ONT 40m², đất CLN 66 m², đất NTS 23,5m² (S8).

(Theo sơ đồ thừa đất kèm theo Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2024/DS-ST ngày 30-01-2024 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.)

[5.2]. Từ phân tích trên HĐXX phúc thẩm xét thấy việc phân chia di sản của cụ Nguyễn Văn Tinh và cụ Hoàng Thị Thơm cho các hàng thừa kế là đúng quy định pháp luật. Di sản được chia đồng đều và phù hợp với thực tế của các hộ đang trực tiếp sử dụng đất. Do vậy kháng cáo của NLQ2 về việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Th là không có căn cứ và không phù hợp với quy định của pháp luật.

[5.3]. Đối với yêu cầu của NLQ2 đề nghị được chia đất tại vị trí mặt đường phía trước, HĐXX phúc thẩm xét thấy. Tại cấp sơ thẩm, Tòa án đã nhiều lần triệu tập đương sự nhưng bản thân NLQ2 không đến tham gia tố tụng tại Tòa án, gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án. Tại cấp sơ thẩm, NLQ2 cũng không có nguyện vọng gì đối với phần đất được chia cũng như yêu cầu định giá hoa màu trên đất và không có yêu cầu độc lập. Bản thân NLQ2 không hợp tác với Tòa án khi được mời tham gia định giá tài sản, không đưa ra ý kiến cũng như tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình và không ký biên bản. Ngoài ra, như nhận định của cấp sơ thẩm thì đối với cây trồng, hoa màu trên đất đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định các loại cây cảnh vẫn di dời khỏi vị trí đất đã trồng nếu được bán hoặc mang trồng tại vị trí khác, giá trị đất được Hội đồng định giá xác định tại các vị trí giống nhau, diện tích đất được giao đều là mặt đường. Tại cấp phúc thẩm, NLQ2 cũng không đưa ra căn cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ; do vậy kháng cáo của NLQ2 sẽ không được HĐXX phúc thẩm chấp nhận.

[6] Từ nhận định trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của NLQ2, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu.

[7] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận cho nên NLQ2 phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, căn cứ vào khoản 1 Điều 29; Điều 12;

Điều 14; Điều 15; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, NLQ2 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên HĐXX miễn cho NLQ2 án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của NLQ2 và giữ nguyên các quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2024/DS-ST ngày 30-01-2024 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho NLQ2.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nam Định.
- TAND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Cảnh